

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

CHÍNH THỨC

23 - 10 - 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 30/9/2010

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

TP Hồ Chí Minh, tháng 10 - 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010***MẪU SỐ B 01a-DN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		5.197.826.659.544	5.050.274.123.753
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	276.311.553.015	415.417.916.497
1. Tiền	111		276.311.553.015	365.417.916.497
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.329.650.960.192	2.314.253.566.692
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.411.282.231.792	2.400.760.431.792
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(81.631.271.600)	(86.506.865.100)
III. Các khoản phải thu	130		1.431.313.418.299	753.498.136.776
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	756.322.776.815	535.004.731.296
2. Trả trước cho người bán	132		481.513.936.939	137.378.435.309
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	194.097.850.288	81.757.731.624
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.5	(621.145.743)	(642.761.453)
IV. Hàng tồn kho	140		2.072.560.812.459	1.280.773.657.392
1. Hàng tồn kho	141	V.6	2.076.076.803.949	1.287.882.946.842
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.7	(3.515.991.490)	(7.109.289.450)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		87.989.915.579	286.330.846.396
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	50.976.755.308	21.075.063.403
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		33.408.396.010	37.343.494.342
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.9	-	226.000.000.000
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.604.764.261	1.912.288.651

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
*Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010***MẪU SỐ B01a-DN***Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.679.714.909.283	3.379.906.340.869
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		29.462.693	8.822.112.758
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		29.462.693	8.822.112.758
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.872.770.533.648	2.322.962.709.746
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.074.225.970.062	1.652.108.063.492
- Nguyên giá	222		3.455.595.698.482	2.909.678.985.921
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.381.369.728.420)	(1.257.570.922.429)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	121.528.561.781	23.390.560.883
- Nguyên giá	228		178.151.675.502	66.488.859.797
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(56.623.113.721)	(43.098.298.914)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	677.016.001.805	647.464.085.371
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	74.229.262.777	-
- Nguyên giá	241		76.570.608.223	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(2.341.345.446)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.577.802.336.774	801.180.628.831
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	356.600.000.000	228.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	35.151.955.551	26.151.955.551
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	1.315.426.273.800	652.324.833.440
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.17	(129.375.892.577)	(106.096.160.160)
V. Tài sản dài hạn khác	260		154.883.313.391	246.940.889.534
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	91.742.013.150	192.530.909.235
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		62.242.253.001	53.520.933.059
3. Tài sản dài hạn khác	268		899.047.240	889.047.240
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		9.877.541.568.827	8.430.180.464.622

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)*Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010***MẪU SỐ B01a-DN***Đơn vị tính : VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+320)	300		2.571.839.652.147	1.967.829.451.949
I. Nợ ngắn hạn	310		2.418.313.401.729	1.711.593.056.787
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	331.807.436.000	9.963.436.000
2. Phải trả người bán	312	V.20	1.006.328.628.253	793.260.645.166
3. Người mua trả tiền trước	313		46.193.118.967	28.827.412.385
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	412.572.370.417	399.397.544.377
5. Phải trả người lao động	315		60.000.223.803	28.238.908.609
6. Chi phí phải trả	316	V.22	256.388.520.095	206.997.629.616
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	87.379.760.300	62.646.543.020
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.24	217.643.343.894	182.260.937.614
II. Nợ dài hạn	330		153.526.250.418	256.236.395.162
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	116.939.763.988
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		92.000.000.000	92.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	4.981.718.000	12.454.295.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	31.617.732.973	34.842.336.174
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		24.926.799.445	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+420)	400	V.27	7.305.701.916.680	6.462.351.012.673
I. Vốn chủ sở hữu	410		7.305.701.916.680	6.462.351.012.673
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.530.721.200.000	3.512.653.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(597.433.000)	(154.222.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.069.103.622.809	1.756.282.910.335
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		353.072.120.000	294.347.876.431

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.353.402.406.871	899.221.447.907
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		9.877.541.568.827	8.430.180.464.622

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU SỐ B01a-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		5.917.103,67	3.721.592,43
EUR		64.739,09	425,61
AUD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập

Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm

Tổng Giám Đốc

Mai Kiều Liên



Lập ngày 23 tháng 10 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)***Quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm 2010***MẪU SỐ B02a-DN***Đơn vị tính: VNĐ*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	4.522.303.383.637	3.061.073.962.857	11.922.166.339.375	7.917.512.794.187
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.1	99.628.221.276	56.738.499.992	235.026.562.262	150.717.960.040
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	10	VI.1	4.422.675.162.361	3.004.335.462.865	11.687.139.777.113	7.766.794.834.147
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.026.469.123.839	1.862.002.880.285	7.786.904.518.108	4.956.209.525.404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		1.396.206.038.522	1.142.332.582.580	3.900.235.259.005	2.810.585.308.743
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	110.191.571.404	73.151.112.510	324.498.031.525	208.736.426.629
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	61.527.219.071	(24.134.799.560)	109.536.564.043	19.790.136.642
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.064.987.473</i>	<i>1.016.917.790</i>	<i>3.420.932.814</i>	<i>3.264.880.631</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	405.784.818.407	333.524.075.714	981.212.281.732	862.310.590.945
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	86.252.382.318	70.811.010.729	238.306.574.336	197.022.707.021
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21–22) – (24+25)}	30		952.833.190.130	835.283.408.207	2.895.677.870.419	1.940.198.300.764

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
11. Thu nhập khác	31	VI.5	695.629.612.841	73.262.002.955	828.261.451.737	120.984.953.094
12. Chi phí khác	32	VI.6	294.511.501.721	45.007.263.171	317.738.517.715	46.065.069.756
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		401.118.111.120	28.254.739.784	510.522.934.022	74.919.883.338
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.353.951.301.250	863.538.147.991	3.406.200.804.441	2.015.118.184.102
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		228.510.181.374	131.339.977.955	536.115.085.488	261.506.347.517
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(7.118.743.116)	1.524.406.920	(8.721.319.942)	(21.796.067.697)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51-52)	60		1.132.559.862.992	730.673.763.116	2.878.807.038.895	1.775.407.904.282
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	3.211	2.083	8.162	5.060

Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế Toán Trưởng



Lê Thành Liêm



Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Quý III năm 2010****MẪU SỐ B 03a-DN***Đơn vị tính: VNĐ*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.406.200.804.441	2.015.118.184.102
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	V.10 V.11 V.12	185.500.400.577	159.154.157.513
- Các khoản dự phòng	03		17.514.362.631	(75.236.753.169)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(10.909.416.523)	31.584.743.775
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(578.375.859.760)	(117.946.715.623)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.420.932.814	3.264.880.631
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.023.351.224.180	2.015.938.497.229
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(680.142.576.487)	(114.004.523.713)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(796.375.979.196)	822.132.101.863
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		134.455.890.952	98.422.720.336
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(24.322.101.266)	(24.677.860.371)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.543.333.385)	(2.985.414.459)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.9, V.21	(331.068.707.209)	(281.268.132.569)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		28.701.980.000	12.089.938.078
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(248.370.817.595)	(94.163.105.279)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.103.685.579.994	2.431.484.221.115
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(890.491.833.807)	(369.498.383.098)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		657.502.522.467	43.645.471.594
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		472.113.500.000	(2.191.352.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.773.743.444	280.502.301.498
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(316.115.000.000)	(39.105.870.424)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	134.267.250.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		249.312.100.502	50.731.091.012
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		189.095.032.606	(2.090.810.639.418)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		18.068.200.000	3.646.400.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		(443.211.000)	(154.222.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		323.030.000.000	71.260.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.472.577.000)	(185.731.077.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.765.200.420.000)	(351.280.620.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.432.018.008.000)	(462.259.519.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(139.237.395.400)	(121.585.937.303)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		415.417.916.497	329.545.163.667
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		131.031.918	29.190.062
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70		276.311.553.015	207.988.416.426

Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thor

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm



Lập ngày 23 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám Đốc



Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2010

(Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) được ghi nhận như sau:

- + Ngày 29/04/1993 : Công ty Sữa Việt Nam (loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.
- + Ngày 01/10/2003 : Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003 : Công ty đăng ký trở thành một Công ty Cổ phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932 .
- + Ngày 28/12/2005 : Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006 : Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.

Trụ sở chính theo giấy phép được đặt tại địa chỉ 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 30/9/2010,

+ Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau

Các chi nhánh bán hàng:

- 1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Số 57 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy - TP Hà Nội
- 2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Lô 42 đường Triệu Nữ Vương nói dài
Phường Hải Châu 2 - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng .
- 3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Thới Bình - TP Cần Thơ.

Các nhà máy sản xuất:

- 1/ Nhà máy sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức - TP.HCM.
- 2/ Nhà máy sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

- 3/ Nhà máy sữa Dielac- Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy sữa Hà Nội - Xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.
- 5/ Nhà máy sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 6/ Nhà máy sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12, TP HCM.
- 7/ Nhà máy sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An
- 8/ Nhà máy sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định
- 9/ Nhà máy nước giải khát Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương
- 10/ Nhà máy sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

Kho vận:

- + Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- + Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q. Gia Lâm, Hà Nội

Phòng khám:

- + Phòng khám đa khoa An Khang - 87A CMT8, Quận 1, TP HCM.

+ Công ty có các Công ty con như sau

Công ty con	Hoạt động chính	Phần vốn Công ty nắm giữ
- Công ty TNHH Một thành viên Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	100%
- Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Phát triển bất động sản	100%

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, công ty được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu.
- c. Kinh doanh nhà.
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản.
- e. Kinh doanh kho, bến bãi.
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- g. Bốc xếp hàng hóa.
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở).
- i. Sản xuất và mua bán bao bì.
- j. In trên bao bì.
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở).
- l. Phòng khám đa khoa.
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt .
- n. Dịch vụ sau thu hoạch .
- o. Xử lý hạt giống để nhân giống.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/9.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

+ Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

- + Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- + Chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- + Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010.
- + Ban Điều Hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- + Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VNĐ”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn Mực Kế toán, Nguyên Tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
- + Báo Cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

+ Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

+ Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
- Các khoản tiền gửi ngân hàng : Căn cứ vào Giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bản xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
- Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo .

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

+ Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ :

- Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

+ Đối với tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ thì:

- Cuối quý, cuối niên độ: đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà Nước tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính (theo VAS 10).

+ Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2009 : 17.941 VNĐ/USD

30/09/2010 : 18.932 VNĐ/USD

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- + Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- + Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng).
- + Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- + Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- + Hàng tồn kho trong kỳ nhập khẩu được ghi nhận tăng trong kỳ theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- + Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối năm, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- + Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính (thay thế TT số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006).

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- a. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- b. Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.
- c. Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản số định hữu hình, vô hình:

+ TSCĐ hữu hình:

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

+ TSCĐ vô hình bao gồm:

- Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
- Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao:

+ TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) được thực hiện theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 cụ thể như sau:

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

- + Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.
- + TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

6. Bất động sản đầu tư

+ Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

+ Khấu hao

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

+ Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- + Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- + Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- + Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- + Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- + Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- + Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - Theo thời gian hữu dụng xác định: phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà, thuê đất trả trước.
 - Theo thời gian hữu dụng quy ước: phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- + Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.
- + Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau :
 - Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu)
 - Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
 - Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
 - Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
 - Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

- + Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo những quy định của Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- + Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- + Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn đầu tư của chủ sở hữu).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:

- + Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- + Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.
- + Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
 - Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- + Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán: được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- + Chi phí đi vay: ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- + Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh
- + Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá dùng hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp:

- + *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp)*: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
- + *Thuế thu nhập hiện hành*: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

+ *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

+ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

+ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

+ Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên thu nhập chịu thuế, tùy theo nơi đặt của các nhà máy sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	661.282.750	349.838.380
- Tiền gửi ngân hàng	269.318.804.971	364.228.070.141
- Tiền đang chuyển	6.331.465.294	840.007.976
- Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	50.000.000.000
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u><u>276.311.553.015</u></u>	<u><u>415.417.916.497</u></u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	144.380.231.792	173.060.231.792
• Chứng khoán đã niêm yết	62.096.571.792	87.536.571.792
• Chứng khoán chưa niêm yết	82.283.660.000	82.283.660.000
• Trái phiếu doanh nghiệp	-	3.200.000.000
• Trái phiếu Chính phủ	-	40.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	1.266.902.000.000	2.227.700.200.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	1.266.902.000.000	2.227.700.200.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(81.631.271.600)	(86.506.865.100)
• Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(81.631.271.600)	(86.506.865.100)
• Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u><u>1.329.650.960.192</u></u>	<u><u>2.314.253.566.692</u></u>

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu kỳ	(86.506.865.100)	(122.995.786.378)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(8.846.382.400)	-
Hoàn nhập dự phòng	13.721.975.900	36.488.921.278
Số cuối kỳ	<u><u>(81.631.271.600)</u></u>	<u><u>(86.506.865.100)</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	473.092.848.631	395.404.786.535
- Khách hàng nước ngoài	283.229.928.184	139.599.944.761
Cộng	<u>756.322.776.815</u>	<u>535.004.731.296</u>

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	268.801.607	51.281.565
- Lãi tiền gửi phải thu	39.291.216.891	56.339.350.383
- Cổ tức phải thu	-	3.754.275.000
- Lãi trái phiếu và lãi cho vay phải thu	16.896.461.186	425.696.057
- Cho vay ngắn hạn	55.000.000.000	2.500.000.000
- Thuế nhập khẩu còn được hoàn	73.815.601.161	8.236.379.986
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	5.601.712.057	5.113.567.440
- Phải thu khác	3.224.057.386	5.337.181.193
Cộng	<u>194.097.850.288</u>	<u>81.757.731.624</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(51.606.853)	(209.497.642)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	(94.574.608)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(37.606.854)	(53.809.565)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(13.999.999)	(61.113.469)
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(569.538.890)	(433.263.811)
Cộng	<u>(621.145.743)</u>	<u>(642.761.453)</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	464.023.299.855	373.436.700.524
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	1.228.559.377.540	560.630.676.496
- Công cụ, dụng cụ	966.041.254	5.728.217.220
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	77.092.764.036	79.996.536.053
- Thành phẩm	296.463.296.591	248.724.584.464
- Hàng hóa	8.972.024.673	11.409.563.139
- Hàng gửi đi bán	-	7.956.668.946
Cộng	<u>2.076.076.803.949</u>	<u>1.287.882.946.842</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
– Nguyên vật liệu	(1.288.218.946)	(4.964.351.701)
– Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(1.819.883.149)	(1.992.954.147)
– Thành phẩm	(198.948.557)	(77.056.174)
– Hàng hóa	(208.940.838)	(74.927.428)
Cộng	<u>(3.515.991.490)</u>	<u>(7.109.289.450)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu kỳ	(7.109.289.450)	(12.013.174.156)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(5.128.573.900)	(29.846.874.463)
Tăng khác (ghi cụ thể)	-	-
Hoàn nhập dự phòng	5.996.734.476	28.390.802.339
Sử dụng dự phòng trong kỳ	2.725.137.384	6.359.956.830
Số cuối kỳ	<u>(3.515.991.490)</u>	<u>(7.109.289.450)</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
– Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	1.805.249.992	9.287.779.915	6.869.093.102	-	4.223.936.805
– Chi phí quảng cáo	3.359.557.849	31.724.570.779	22.773.676.076	-	12.310.452.552
– Chi phí tư vấn	-	1.582.028.271	1.573.543.422	-	8.484.849
– Chi phí CCDC bán hàng	4.186.007.286	13.937.306.042	7.601.718.100	-	10.521.595.228
– Chi phí thuê mặt bằng, vị trí	6.225.726.914	25.064.407.528	18.770.487.616	2.392.569.756	10.127.077.070
– Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	2.193.868.239	13.458.188.267	11.794.861.208	-	3.857.195.298
– CP cải tạo, sửa chữa lớn	2.177.012.350	7.885.553.357	4.727.263.356	1.137.435.950	4.197.866.401
– Chi phí khác	1.127.640.773	25.426.199.094	19.587.920.851	1.235.771.911	5.730.147.105
Cộng	<u>21.075.063.403</u>	<u>128.366.033.253</u>	<u>93.698.563.731</u>	<u>4.765.777.617</u>	<u>50.976.755.308</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm nộp tiền Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	226.000.000.000
Cộng	-	226.000.000.000

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
+Số đầu năm	506.954.120.014	1.946.611.876.555	342.727.745.043	113.385.244.309	2.909.678.985.921
+Tăng trong kỳ					
-Mua sắm mới	752.797.656	26.318.408.771	55.828.264.263	55.573.746.852	138.473.217.542
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	179.191.906.719	584.533.785.198	21.815.262.116	1.495.770.046	787.036.724.079
-Phân loại lại	(1.004.422.973)	1.004.422.973	-	-	-
-Tăng khác	-	3.371.430	-	-	3.371.430
+Giảm trong kỳ					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	62.737.879.531	1.421.546.427	-	-	64.159.425.958
-Thanh lý, nhượng bán	55.522.536.738	242.453.949.605	9.155.172.305	8.305.515.884	315.437.174.532
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	567.633.985.147	2.314.596.368.895	411.216.099.117	162.149.245.323	3.455.595.698.482
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	152.935.350.401	917.194.490.016	111.752.484.301	75.688.597.711	1.257.570.922.429
+Tăng trong kỳ					
-Khấu hao trong kỳ	17.114.338.477	122.149.076.482	23.692.135.521	12.656.227.197	175.611.777.677
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	398.978.030	24.955.269	-	-	423.933.299
-Thanh lý, nhượng bán	5.308.314.496	36.177.587.993	4.723.327.219	5.179.808.679	51.389.038.387
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	164.342.396.352	1.003.141.023.236	130.721.292.603	83.165.016.229	1.381.369.728.420
+Giá trị còn lại					
+Số đầu năm	354.018.769.613	1.029.417.386.539	230.975.260.742	37.696.646.598	1.652.108.063.492
+ Số cuối kỳ	403.291.588.795	1.311.455.345.659	280.494.806.514	78.984.229.094	2.074.225.970.062

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	19.899.547.200	-	-	46.589.312.597	66.488.859.797
+Tăng trong kỳ					
-Mua trong kỳ	23.419.374.515	-	-	2.738.131.190	26.157.505.705
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
-Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
-Tăng khác	85.505.310.000	-	-	-	85.505.310.000
+Giảm trong kỳ					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	128.824.231.715	-	-	49.327.443.787	178.151.675.502
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	11.608.069.186	-	-	31.490.229.728	43.098.298.914
+Tăng trong kỳ					
-Khấu hao trong kỳ	-	-	-	7.971.210.753	7.971.210.753
-Tăng khác	5.553.604.054	-	-	-	5.553.604.054
+Giảm trong kỳ					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	17.161.673.240	-	-	39.461.440.481	56.623.113.721
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	8.291.478.014	-	-	15.099.082.869	23.390.560.883
+ Số cuối kỳ	111.662.558.475	-	-	9.866.003.306	121.528.561.781

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	-	-	-	-	-
+Tăng trong kỳ					
-Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	11.701.815.291	-	709.366.974	12.411.182.265
-Chuyển từ TSCĐ	-	62.737.879.531	-	1.421.546.427	64.159.425.958
-Chuyển từ hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	(3.863.376.796)	-	3.863.376.796	-
+Giảm trong kỳ					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Chuyển sang TSCĐ	-	-	-	-	-
-Chuyển sang hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	-	70.576.318.026	-	5.994.290.197	76.570.608.223
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	-	-	-	-	-
+Tăng trong kỳ					
-Khấu hao trong kỳ	-	1.708.978.646	-	208.433.501	1.917.412.147
-Chuyển từ TSCĐ	-	398.978.030	-	24.955.269	423.933.299
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	(161.626.450)	-	161.626.450	-
+Giảm trong kỳ					
-Chuyển sang hàng hóa BĐS	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	-	1.946.330.226	-	395.015.220	2.341.345.446
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	-	68.629.987.800	-	5.599.274.977	74.229.262.777

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
+ Số dư đầu năm	647.464.085.371	356.202.256.416
+ Tăng trong kỳ	830.495.275.799	334.801.328.569
+ Chuyển sang TSCĐ hữu hình	787.036.724.079	319.893.637.616
+ Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	-
+ Chuyển sang BĐS Đầu tư	12.411.182.265	-
+ Thanh lý	1.495.453.021	42.038.869.770
+ Giảm khác	-	-
+ Số dư cuối kỳ	<u>677.016.001.805</u>	<u>329.071.077.599</u>

Trong đó có giá trị các công trình lớn đang thực hiện tại các nhà máy, chi nhánh và văn phòng như sau :

- Văn phòng công ty	239.745.315.269	93.304.432.780
- Phòng khám An Khang	-	49.500.000
- NM Sữa Trường Thọ	137.079.031.572	85.593.810.413
- NM Sữa Thống Nhất	10.614.257.654	180.045.552
- NM Sữa Dielac	3.387.972.500	-
- NM Sữa Sài Gòn	40.178.746.737	289.005.020
- NM Sữa Cần Thơ	3.841.680.000	377.528.524
- NM Sữa Bình Định	713.570.214	5.000.000
- NM Sữa Nghệ An	601.958.712	3.566.724.810
- XNKV Hà Nội	-	60.744.230.165
- NM Cà Phê Sài Gòn	-	1.553.960.986
- NM Sữa Tiên Sơn	184.147.887.008	44.878.097.131
- NM Nước Giải Khát	4.510.136.221	-
- Văn phòng - CN tại Cần Thơ	43.211.732.945	38.293.014.945
- Chi nhánh Hà Nội	8.747.985.700	-
- Chi nhánh Đà Nẵng	235.727.273	235.727.273
Cộng	<u>677.016.001.805</u>	<u>329.071.077.599</u>

14. Đầu tư vào công ty con

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
- Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	100,00%	100,00%	220.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Sữa Lam Sơn	100,00%	100,00%	90.800.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư BĐS Quốc tế	100,00%	100,00%	45.800.000.000
Cộng			<u>356.600.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
– Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	9.942.684.826
– Trang trại mẫu Campina - Hợp đồng kinh doanh đồng kiểm soát	25,00%	25,00%	7.209.270.725
– Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	20,00%	20,00%	18.000.000.000
Cộng			35.151.955.551

16. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
– Đầu tư cổ phiếu	313.311.273.800	329.524.833.440
• <i>Cổ phiếu đã niêm yết</i>	<i>190.981.273.800</i>	<i>203.113.312.140</i>
• <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>15.980.000.000</i>	<i>20.061.521.300</i>
• <i>Các quỹ đầu tư</i>	<i>106.350.000.000</i>	<i>106.350.000.000</i>
– Đầu tư trái phiếu	700.000.000.000	200.000.000.000
– Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	-	-
– Cho vay dài hạn	-	-
– Đầu tư dài hạn khác	302.115.000.000	122.800.000.000
Cộng	1.315.426.273.800	652.324.833.440

17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
– Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(103.252.057.062)	(96.405.129.045)
– Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(26.123.835.515)	(9.691.031.115)
Cộng	(129.375.892.577)	(106.096.160.160)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
– Số đầu kỳ	(106.096.160.160)	(115.351.136.977)
– Trích lập dự phòng trong kỳ	(27.299.681.603)	(99.311.364.057)
– Hoàn nhập dự phòng	4.019.949.186	108.566.340.874
Số cuối kỳ	(129.375.892.577)	(106.096.160.160)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

18. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	189.432.685.102	-	-	102.747.525.581	86.685.159.521
- Chi phí CCDC bán hàng	2.400.404.384	15.438.946.497	-	13.276.683.281	4.562.667.600
- Chi phí trả trước dài hạn khác	697.819.749	803.674.528	-	1.007.308.248	494.186.029
Cộng	192.530.909.235	16.242.621.025	-	117.031.517.110	91.742.013.150

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	321.844.000.000	-
- Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.25)	9.963.436.000	9.963.436.000
Cộng	331.807.436.000	9.963.436.000

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	338.874.149.767	391.128.743.986
- Nhà cung cấp nước ngoài	662.164.110.217	392.921.977.696
- Nhà phân phối	5.290.368.269	9.209.923.484
Cộng	1.006.328.628.253	793.260.645.166

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	30.449.727.997	302.817.718.944	267.309.379.435	65.958.067.506
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	21.850.495.521	432.359.972.460	427.740.846.583	26.469.621.398
- Thuế xuất, nhập khẩu	11.474.338.752	153.538.475.084	159.067.848.835	5.944.965.001
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	329.730.705.570	536.115.085.485	557.068.707.209	308.777.083.846
- Thuế thu nhập cá nhân	5.882.946.249	32.653.678.374	33.928.438.904	4.608.185.719
- Thuế tài nguyên	9.330.288	151.108.386	144.345.550	16.093.124
- Tiền thuê đất	-	1.027.378.900	1.027.378.900	-
- Các loại thuế khác	-	9.741.949.703	8.943.595.880	798.353.823
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	11.026.019	11.026.019	-
Cộng	399.397.544.377	1.468.416.393.355	1.455.241.567.315	412.572.370.417

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ, bán hàng	120.125.503.978	143.611.944.115
- Chi phí quảng cáo	91.183.626.137	37.959.007.545
- Chi phí vận chuyển	24.584.628.466	13.592.206.655
- Chi phí điện, nước	405.927.291	469.337.200
- Chi phí thuê đất	488.762.630	773.520.853
- Chi phí kiểm toán	777.458.716	758.136.704
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	10.484.693.802	2.736.095.442
- Chi phí phải trả khác	8.337.919.075	7.097.381.102
Cộng	<u><u>256.388.520.095</u></u>	<u><u>206.997.629.616</u></u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	166.464.129	70.778.308
- Kinh phí công đoàn	40.841.992	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.466.072.332	47.930.560.000
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	2.684.859.155	2.684.859.155
- Thuế Nhập khẩu phải trả (SX – Hàng XK)	61.892.358.501	5.178.025.386
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.129.164.191	6.782.320.171
Cộng	<u><u>87.379.760.300</u></u>	<u><u>62.646.543.020</u></u>

24. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Số dư đầu kỳ	182.260.937.614	96.198.051.139
Trích lập quỹ	287.880.703.888	177.540.790.429
Tặng khác	36.500.000	-
Chi trả	252.534.797.608	95.007.679.644
Số dư cuối kỳ	<u><u>217.643.343.894</u></u>	<u><u>178.731.161.924</u></u>

25. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.981.718.000	12.454.295.000
Cộng	<u><u>4.981.718.000</u></u>	<u><u>12.454.295.000</u></u>

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

- Từ 1 năm trở xuống	9.963.436.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	4.981.718.000
- Trên 5 năm	-
Tổng nợ	<u><u>14.945.154.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘCho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

26. Dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Số dư đầu kỳ	34.842.336.174	35.841.387.500
Trích lập dự phòng	-	2.212.196.962
Sử dụng dự phòng	(3.454.707.751)	(2.400.861.638)
Hoàn nhập dự phòng	230.104.550	-
Số dư cuối kỳ	<u>31.617.732.973</u>	<u>35.652.722.824</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

27. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2		3	4	6	9
Số dư đầu năm trước	1.752.756.700.000	1.064.948.051.177	-	869.697.027.622	175.275.670.000	804.461.145.827	4.667.138.594.626
- Tăng vốn năm trước	1.759.896.300.000	(1.064.948.051.177)	(154.222.000)	-	-	(691.301.848.823)	3.492.178.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.381.145.272.908	2.381.145.272.908
- Trích lập các quỹ	-	-	-	886.585.882.713	119.072.206.431	(1.243.802.502.005)	(238.144.412.861)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(351.280.620.000)	(351.280.620.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	3.512.653.000.000	-	(154.222.000)	1.756.282.910.335	294.347.876.431	899.221.447.907	6.462.351.012.673
- Tăng vốn trong kỳ	18.068.200.000	-	(443.211.000)	-	-	-	17.624.989.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	2.878.807.038.895	2.878.807.038.895
- Trích lập các quỹ	-	-	-	312.820.712.474	58.724.243.569	(659.425.659.931)	(287.880.703.888)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(1.765.200.420.000)	(1.765.200.420.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.530.721.200.000	-	(597.433.000)	2.069.103.622.809	353.072.120.000	1.353.402.406.871	7.305.701.916.680

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Tỷ lệ(*)</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Vốn đầu tư của Nhà nước	1.680.623.291.200	47,60%	1.672.022.828.000	47,60%
- Vốn góp của Nước ngoài	1.624.131.752.000	46,00%	1.553.997.687.200	44,24%
- Vốn góp của nhà đầu tư trong nước	225.966.156.800	6,40%	286.632.484.800	8,16%
- Thặng dư vốn cổ phần	-		-	
- Cổ phiếu ngân quỹ	(597.433.000)		(154.222.000)	
Cộng	<u>3.530.123.767.000</u>		<u>3.512.498.778.000</u>	

(*) Theo nguồn Bản tin thị trường chứng khoán ngày 01/9/2010

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng doanh thu	11.922.166.339.375	7.917.512.794.187
• Doanh thu bán hàng hóa	173.307.589.505	83.773.749.444
• Doanh thu bán thành phẩm	11.722.720.277.145	7.820.340.874.037
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.210.894.900	13.398.170.706
• Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.927.577.825	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	235.026.562.262	150.717.960.040
• Chiết khấu thương mại	227.010.311.343	143.526.397.770
• Hàng bán bị trả lại	8.016.250.919	7.191.562.270
Doanh thu thuần	<u>11.687.139.777.113</u>	<u>7.766.794.834.147</u>
Trong đó:		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	11.661.001.304.388	7.753.396.663.441
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	26.138.472.725	13.398.170.706

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa	162.794.284.173	69.704.347.382
- Giá vốn của thành phẩm	7.584.516.035.448	4.863.412.238.217
- Giá vốn của dịch vụ	6.024.000.852	2.446.312.876
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh BĐS	2.245.079.055	-
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	3.259.956
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	32.193.279.156	20.326.011.526
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(868.160.576)	317.355.447
Cộng	<u>7.786.904.518.108</u>	<u>4.956.209.525.404</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	158.855.203.457	59.216.177.840
- Lãi trái phiếu	36.736.333.372	3.292.824.087
- Lãi cho vay	-	8.286.793
- Cổ tức	15.544.703.920	8.598.804.850
- Cổ phiếu thưởng	-	1.665.730.000
- Đầu tư Chứng khoán	1.037.680.360	10.970.972.562
- Chênh lệch tỷ giá thực hiện	96.590.192.329	87.025.374.910
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	15.573.027.898	-
- Khác	160.890.189	37.958.255.587
Cộng	<u><u>324.498.031.525</u></u>	<u><u>208.736.426.629</u></u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Lãi vay ngân hàng, các tổ chức khác	3.420.932.814	2.926.601.631
- Lãi ký quỹ	923.572.191	338.279.000
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	91.782.480	72.644.466
- Chênh lệch tỷ giá thực hiện	58.896.504.817	65.668.797.787
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.663.611.375	31.584.743.775
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(4.875.593.500)	(42.601.803.978)
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	23.279.732.417	(38.199.126.039)
- Hỗ trợ thanh toán Nhà phân phối	23.136.021.449	-
Cộng	<u><u>109.536.564.043</u></u>	<u><u>19.790.136.642</u></u>

5. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
- Thu thanh lý tài sản cố định	648.675.227.391	4.213.950.368
- Thu bán phế liệu, CCDC, VTKT	44.799.438.237	27.967.555.335
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.041.789.129	1.753.215.526
- Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	101.770.992.148	42.868.085.310
- Thu từ các khoản thuế được hoàn	20.745.483	213.077.335
- Thu nhập khác	31.953.259.349	43.969.069.220
Cộng	<u><u>828.261.451.737</u></u>	<u><u>120.984.953.094</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

6. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
– Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	264.048.136.145	3.577.882.925
– Chi phí thanh lý TSCĐ	16.573.093.207	2.195.454
– Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	505.032.839	175.141.678
– Chi phạt do vi phạm hợp đồng	5.218.368.275	-
– Thuế bị phạt, bị truy thu	2.128.697	118.561.476
– Chi phí khác	31.391.758.552	42.191.288.223
Cộng	<u>317.738.517.715</u>	<u>46.065.069.756</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
– Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.878.807.038.895	1.775.407.904.282
– Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
– Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.878.807.038.895	1.775.407.904.282
– Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	352.698.876	350.850.061
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>8.162</u>	<u>5.060</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
– Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	351.249.980	175.275.670
– Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 10 tháng 6 năm 2009		150.932
– Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 03 tháng 9 năm 2010		(1.571)
– Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông thường phát hành 18/09/09	-	175.425.030
– Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 07 tháng 01 năm 2010	(333)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
– Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 22 tháng 02 năm 2010	1.462.664	-
– Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 08 tháng 4 năm 2010	(316)	-
– Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 28 tháng 4 năm 2010	(240)	-
– Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 27 tháng 5 năm 2010	(10.253)	-
– Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 08 tháng 7 năm 2010	(1.301)	-
– Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 18 tháng 8 năm 2010	(421)	-
– Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 06 tháng 9 năm 2010	(632)	-
– Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 17 tháng 9 năm 2010	(140)	-
– Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 22 tháng 9 năm 2010	(132)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	352.698.876	350.850.061

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
– Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.309.548.447.512	4.698.168.666.689
– Chi phí nhân công	358.434.770.333	331.427.034.826
– Chi phí khấu hao tài sản cố định	185.500.400.577	159.154.157.513
– Chi phí dịch vụ mua ngoài	390.536.124.493	251.194.479.643
– Chi phí khác	743.731.909.688	684.608.097.034
Cộng	8.987.751.652.603	6.124.552.435.705

Trong đó bao gồm :

Chi phí sản xuất :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
– Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.277.310.737.685	4.675.758.819.175
– Chi phí nhân công	198.461.024.805	179.327.569.920
– Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.711.148.806	116.414.851.182
– Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.845.452.784	79.653.423.285
– Chi phí khác	13.904.432.455	14.064.474.177
Cộng	7.768.232.796.535	5.065.219.137.739

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
– Chi phí cho nhân viên	86.058.314.629	95.295.054.053
– Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.987.180.337	17.653.429.844
– Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	10.789.654.369	11.442.163.444
– Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.380.361.979	15.268.372.727
– Chi phí bảo hành	5.455.665.188	3.737.955.300
– Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.016.321.703	110.246.278.080
– Chi phí khác bằng tiền	657.524.783.527	608.667.337.497
Cộng	<u>981.212.281.732</u>	<u>862.310.590.945</u>

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
– Chi phí cho nhân viên	73.915.430.899	56.804.410.853
– Chi phí vật liệu quản lý	5.250.529.490	4.756.417.670
– Chi phí đồ dùng văn phòng	6.059.919.611	3.266.185.710
– Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.408.889.792	27.470.933.604
– Thuế, phí, lệ phí	1.815.920.141	2.296.199.546
– Chi phí dự phòng	208.488.840	132.678.000
– Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.674.350.006	61.294.778.278
– Chi phí khác bằng tiền	47.973.045.557	41.001.103.360
Cộng	<u>238.306.574.336</u>	<u>197.022.707.021</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>34.270.011.000</u>	<u>23.619.628.064</u>

Cho mục đích công bố thông tin về các bên liên quan, các chức trách quản lý chủ chốt bao gồm các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều Hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu – Quận 3 – Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ lập báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Quý III năm 2010		Quý III năm 2009	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.024.129.836.765	498.173.546.872	2.726.837.377.660	334.236.585.197
2. Các khoản giảm trừ	99.628.221.276	-	56.738.499.992	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	3.924.501.615.489	498.173.546.872	2.670.098.877.668	334.236.585.197
4. Giá vốn hàng bán	2.626.295.293.365	400.173.830.474	1.631.034.300.068	230.968.580.217
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	1.298.206.322.124	97.999.716.398	1.039.064.577.600	103.268.004.980

CHỈ TIÊU	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2010		Lũy kế 9 tháng đầu năm 2009	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.620.656.032.096	1.301.510.307.279	7.025.759.328.933	891.753.465.254
2. Các khoản giảm trừ	235.026.562.262	-	150.717.960.040	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	10.385.629.469.834	1.301.510.307.279	6.875.041.368.893	891.753.465.254
4. Giá vốn hàng bán	6.758.028.295.367	1.028.876.222.741	4.329.957.915.406	626.251.609.998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	3.627.601.174.467	272.634.084.538	2.545.083.453.487	265.501.855.256

Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm

Lập ngày 23 tháng 10 năm 2010



Tổng Giám Đốc



Mai Kiều Liên